

Số: **15668** /TB-CHQ

Hà Nội, ngày **22** tháng **7** năm 2025

THÔNG BÁO
Về kết quả xác định trước mã số

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, Đơn đề nghị số 03/2025-CV-2 ngày 30/5/2025 của Công ty TNHH URC Việt Nam, mã số thuế: 3700549827;

Cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước mã số như sau:

1. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân cung cấp:

Tên thương mại: Buffalo Wings Seasoning K-203216

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng: Gia vị cánh gà Buffalo K-203216

Ký, mã hiệu, chủng loại:
K-203216

Nhà sản xuất: Givaudan

2. Tóm tắt mô tả hàng hóa được xác định trước mã số: Theo hồ sơ xác định trước mã số, thông tin mặt hàng như sau:

- Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học, hàm lượng tính trên trọng lượng:

Thành phần (theo thứ tự giảm dần về trọng lượng)	Phần trăm theo trọng lượng
Tapioca maltodextrin	20 - 25%
Chất rắn từ sữa Dairy Solids	13 - 18%
Đường	11 - 16%
Muối	9 - 14%
Mỳ chính Monosodium l-glutamate	6 - 11%
Chất tạo hương giống hệt tự nhiên (Nature-identical flavouring substance)	4 - 9%
Protein đậu nành thủy phân	1 - 5%
Gia vị và thảo mộc Spice & herb	1 - 5%
Tricalcium phosphate	1 - 5%
Silicon dioxide	1 - 5%
Process flavouring	< 2%
Dầu cọ	< 2%
Paprika oleoresin	< 2%
Chế phẩm hương liệu	< 2%
Dipotassium hydrogen phosphate	< 2%
Disodium 5'-guanylate	< 2%
Disodium 5'-inosinate	< 2%
Acacia gum	< 2%
Chất tạo hương tự nhiên	< 0.1%

- Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng: Dùng để tạo vị cho các sản phẩm thực phẩm. Tùy vào sản phẩm cụ thể sẽ có liều dùng thích hợp theo khuyến nghị của nhà sản xuất. Ứng dụng tham khảo và liều lượng (theo %): Mì ăn liền: 3,5 %, Snack 6,5%, Khoai tây chiên giòn 7%

- Thông số kỹ thuật:

- + Trạng thái vật lý: chất rắn
- + Hình dạng: Bột không đồng nhất
- + Màu: Màu đỏ cam đến vàng cam
- + Hương vị: Cay, cay nồng, kem

- Công dụng theo thiết kế: Dùng làm gia vị cho các sản phẩm thực phẩm

3. Kết quả xác định trước mã số: Theo thông tin trên Đơn đề nghị xác định trước mã số, thông tin tại tài liệu đính kèm hồ sơ, mặt hàng như sau:

Tên thương mại: Buffalo Wings Seasoning K-203216

- Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học, hàm lượng tính trên trọng lượng:

Thành phần (theo thứ tự giảm dần về trọng lượng)	Phần trăm theo trọng lượng
Tapioca maltodextrin	20 - 25%
Chất rắn từ sữa Dairy Solids	13 - 18%
Đường	11 - 16%
Muối	9 - 14%
Mỹ chính Monosodium l-glutamate	6 - 11%
Chất tạo hương giống hệt tự nhiên (Nature-identical flavouring substance)	4 - 9%
Protein đậu nành thủy phân	1 - 5%
Gia vị và thảo mộc Spice & herb	1 - 5%
Tricalcium phosphate	1 - 5%
Silicon dioxide	1 - 5%
Process flavouring	< 2%
Dầu cọ	< 2%
Paprika oleoresin	< 2%
Chế phẩm hương liệu	< 2%
Dipotassium hydrogen phosphate	< 2%
Disodium 5'-guanylate	< 2%
Disodium 5'-inosinate	< 2%
Acacia gum	< 2%
Chất tạo hương tự nhiên	< 0.1%

- Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng: Dùng để tạo vị cho các sản phẩm thực phẩm. Tùy vào sản phẩm cụ thể sẽ có liều dùng thích hợp theo khuyến nghị của nhà sản xuất. Ứng dụng tham khảo và liều lượng (theo %): Mì ăn liền: 3,5 %, Snack 6,5%, Khoai tây chiên giòn 7%

- Thông số kỹ thuật:

- + Trạng thái vật lý: chất rắn
- + Hình dạng: Bột không đồng nhất
- + Màu: Màu đỏ cam đến vàng cam
- + Hương vị: Cay, cay nồng, kem

- Công dụng theo thiết kế: Dùng làm gia vị cho các sản phẩm thực phẩm

Ký, mã hiệu, chủng loại:
K-203216

Nhà sản xuất: Givaudan

thuộc nhóm **21.03** “Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt; đồ gia vị hỗn hợp và bột canh hỗn hợp; bột mịn và bột thô từ hạt mù tạt và mù tạt đã chế biến.”, phân nhóm **2103.90** “- Loại khác:”, phân nhóm “- - Gia vị hỗn hợp và bột canh hỗn hợp:”, mã số **2103.90.29** “- - - Loại khác” tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Cục trưởng Cục Hải quan thông báo đề Công ty TNHH URC Việt Nam biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH URC Việt Nam (Số 42 VSIP Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, Phường An Phú, TP Thuận An, Bình Dương);
- PCT. Lưu Mạnh Tường (để báo cáo);
- Các Chi cục hải quan khu vực (để thực hiện);
- Chi cục Kiểm định hải quan;
- Cổng thông tin điện tử Hải quan (Văn phòng);
- Lưu: VT, NVTHQ-PL-Uyên (3b).

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN NGHIỆP VỤ THUẾ HQ
PHÓ TRƯỞNG BAN



Đào Thu Hương

* Ghi chú: Kết quả xác định trước mã số trên chỉ có giá trị sử dụng đối với tổ chức, cá nhân đã gửi đề nghị xác định trước mã số.